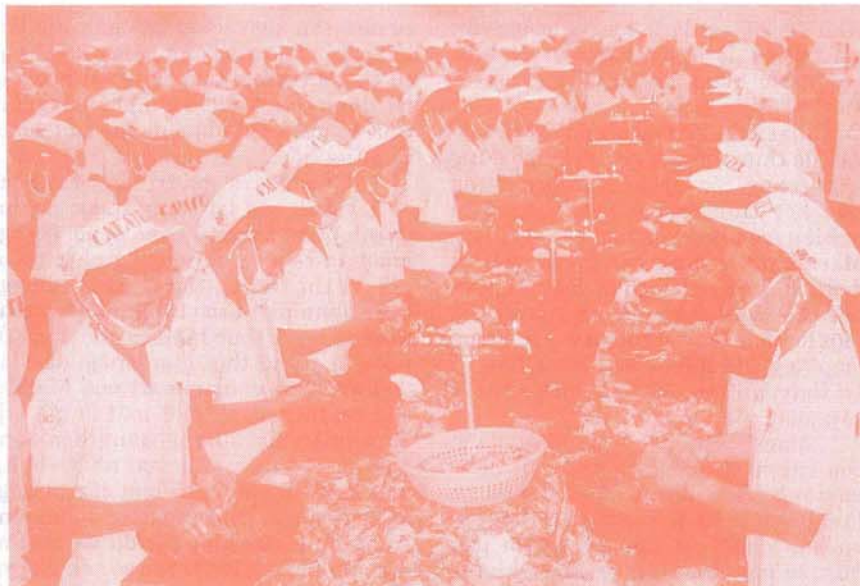


1. Lý luận giá trị-lao động có một vai trò và vị trí hết sức quan trọng trong học thuyết kinh tế của Marx. Nó không chỉ là "cửa ải" đầu tiên phải vượt qua để đi tới những lý luận khác mà nó còn là cơ sở phương pháp luận cho việc phân tích, giải quyết những phạm trù kinh tế khác về mặt lý luận cũng như về mặt hiện thực kinh tế-xã hội. Chính vì vậy nắm vững lý luận giá trị-lao động là một việc rất cần thiết để hiểu, nắm vững và vận dụng chủ nghĩa Marx trong hoạt động thực tiễn của kinh tế thị trường.

2. Các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh đã có những cống hiến trong lý luận giá trị-lao động.

W.Petty, cha đẻ của KTCT cổ điển Anh đã có lý luận giá trị dựa trên lao động. Ông nêu rất rõ ràng và khái quát rằng: giá trị của hàng hóa được đo lường bằng lao động ngang nhau. Petty lấy vật ngang giá là kim loại



HỌC THUYẾT GIÁ TRỊ LAO ĐỘNG CỦA MARX NHỮNG GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

CUNG THỊ TUYẾT MAI

quý và lúa mì cùng bao gồm một lượng lao động như nhau. Song Petty còn bị chi phối bởi các quan niệm của chủ nghĩa tiền tệ nên tuyên bố: Loại lao động cụ thể đặc biệt dùng để khai thác vàng và bạc là lao động sáng tạo ra giá trị trao đổi.

A.Smith có hai định nghĩa khác nhau về giá trị trao đổi và do dự giữa 2 định nghĩa ấy.

- Định nghĩa thứ nhất: giá trị hàng hóa là do lượng lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó quyết định (đúng).

- Định nghĩa thứ hai: giá trị hàng hóa ngang với số lượng lao động sống mà hàng hóa đó có thể mua được hay là bằng số lượng hàng hóa mà một lượng lao động sống nhất định có thể mua được (sai).

D.Ricardo là người đã hoàn thành lý luận giá trị. Trên cơ sở phê phán lý luận giá trị của A.Smith, ông

đã đưa ra luận điểm nổi tiếng như sau: giá trị của mỗi hàng hóa chỉ do số lượng lao động cần thiết để sản xuất ra nó một cách đơn thuần. Nhưng ông vẫn chưa hiểu là do lao động nào (lao động cụ thể hay lao động trừu tượng) quyết định, nên ông không phát triển lý luận này đến cùng được.

3. Marx đã thực hiện một cuộc cách mạng trong học thuyết về hàng hóa và giá trị

Marx là người đầu tiên nêu lên tính chất 2 mặt của lao động thể hiện trong hàng hóa: lao động cụ thể và lao động trừu tượng. Đây là phát kiến vĩ đại giúp Marx hình thành hàng loạt phạm trù kinh tế chính trị học. Trong quyển I bộ Tư bản, Marx đã viết: "Tôi là người đầu tiên nêu rõ tính chất 2 mặt ấy của lao động biểu hiện trong hàng hóa, vì khoa KTCT xoay xung quanh điểm này, nên ở đây chúng ta bàn thật chi tiết hơn nữa".



Nhờ đó, Marx đã hoàn thiện lý luận giá trị lao động mà các nhà kinh tế học trước Marx không ai giải quyết được triệt để.

Marx đã giải quyết được triệt để vấn đề thực thể của giá trị là lao động trừu tượng của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa. Khi nghiên cứu mặt lượng của giá trị, Marx chỉ ra rằng lượng của giá trị được đo bằng thời gian lao động xã hội cần thiết, rằng lượng giá trị của một hàng hóa tỷ lệ thuận với số lượng lao động thể hiện trong hàng hóa đó và thay đổi theo tỷ lệ nghịch với sức sản xuất của lao động đó.

Marx nghiên cứu sự phát triển của các hình thái giá trị, một công việc mà khoa KTCT tư sản chưa hề làm bao giờ, từ đó tìm hiểu nguồn gốc và bản chất của tiền tệ, khám phá được bí mật của tiền tệ. Marx khẳng định: tiền tệ ra đời là kết quả phát triển lâu dài của sản xuất hàng hóa, tiền tệ là một hàng hóa đặc biệt dùng làm vật ngang giá chung, nó trực tiếp thể hiện lao động xã hội, biểu hiện quan hệ giữa những người sản xuất hàng hóa.

Sau đó Marx chuyển sang nghiên cứu sự sùng bái hàng hóa, mà đỉnh cao của nó là sự sùng bái tiền tệ. Lý luận về sùng bái hàng hóa là sự khái quát sâu sắc nhất lý luận về giá trị.

Cuối cùng, trong học thuyết giá trị - lao động Marx đã nghiên cứu tỉ mỉ và hoàn chỉnh qui luật giá trị, nêu và phân tích yêu cầu cùng cơ chế hoạt động của nó trong các giai đoạn phát triển khác nhau của sản xuất hàng hóa.

4. Những luận điểm cơ bản trên đây trong học thuyết giá trị - lao động của Marx vẫn giữ nguyên giá trị trong nền kinh tế thị trường hiện đại. Hơn nữa, chúng còn cung cấp cơ sở lý luận để phân tích và giải quyết những vấn đề cơ bản nhất trong quá trình chuyển đổi sang kinh tế thị trường ở nước ta.

- Dựa vào tính chất 2 mặt của lao động, Marx chỉ rõ rằng giá trị tư liệu SX (tức giá trị cũ hay giá trị của sản phẩm trung gian) được bảo toàn và chuyển dịch vào trong sản phẩm mới nhờ lao động cụ thể, giá trị mới (tức giá trị gia tăng) được tạo ra nhờ lao động trừu tượng, từ đó hình thành nên giá trị của hàng hóa. Trong bất

cứ nền sản xuất hàng hóa nào, giá trị hàng hóa bao giờ cũng gồm có: giá trị cũ và giá trị mới (lao động vật hóa và lao động sống), đó là chi phí sản xuất thực tế mà xã hội hao phí để sản xuất ra hàng hóa.

- Theo Marx, giá trị của hàng hóa là kết tinh của lao động thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Hàng hóa bán ra trên thị trường phải theo giá trị thị trường thống nhất không được phân biệt theo từng thành phần kinh tế (việc thực hiện cơ chế 2 giá ở nước ta trong thời gian trước đây là trái với bản chất giá trị của Marx). Giá trị thị trường một mặt là giá trị bình quân của những hàng hóa sản xuất trong một khu vực nhất định, mặt khác là giá trị cá biệt của những hàng hóa sản xuất ra trong điều kiện trung bình của khu vực đó và chiếm một khối lượng lớn trong số sản phẩm của khu vực. Giá trị thị trường là cái



trung tâm để giá cả thị trường xoay quanh. Do đó, giá cả thị trường sẽ được phân giải thành 3 bộ phận: một bộ phận dùng để bù đắp lại chi phí về tư liệu sản xuất, một bộ phận dùng để bù đắp chi phí về tiền công và một bộ phận là lợi nhuận (chứ không phải do 3 bộ phận hợp thành như ta đã làm trước đây).

- Nội dung của qui luật giá trị mà Marx nêu ra là thời gian lao động xã hội cần thiết. Đây là vấn đề có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Marx đã chỉ rõ rằng "trong những quan hệ trao đổi ngẫu nhiên và thường xuyên biến động giữa các sản phẩm của những lao động ấy, thì thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra các sản phẩm ấy chỉ dùng bạo lực để tự mở đường cho mình với tư cách là một quy luật tự nhiên có tác dụng điều tiết, cũng giống như quy luật trọng lực làm cho người ta biết đến nó khi chiếc

nhà sụp đổ xuống đầu mình".

Quy luật này đòi hỏi tổng giá cả của tất cả các thứ hàng hóa phải bằng tổng giá trị của chúng, còn giá cả của từng thứ hàng hóa lại tách rời giá trị nếu bằng nhau chỉ là ngẫu nhiên. Đó là một yêu cầu khách quan mà nhà nước phải bảo đảm cho được, bởi vì chỉ có như vậy đại lượng thời gian lao động xã hội cần thiết mới thực hiện, tức tổng số lao động xã hội đã hao phí để sản xuất ra các loại sản phẩm mới được bù đắp lại, do đó quá trình tái sản xuất xã hội mới không bị gián đoạn (trong thời kỳ thực hiện chính sách 2 giá, yêu cầu này không được bảo đảm, xã hội luôn bị thiếu hụt bởi 2 khoản: chi phí tư liệu sản xuất tính quá thấp, tiền lương tính không đủ).

- Sự phân tích về lợi nhuận bình quân và giá cả SX trong thời kỳ tự do cạnh tranh của CNTB đã giúp ta thấy rõ được những đặc trưng cơ bản của cơ chế thị trường tự do cạnh tranh (tức cạnh tranh thuần túy, hoàn hảo). Đó là: chưa có một ai có thể lực quyết định tới thị trường và đối thủ cạnh tranh; các quan hệ kinh tế chưa bị biến dạng bởi các thể lực độc quyền và quyết định hành chính của nhà nước; giá cả thị trường là kết quả khách quan của quan hệ cung cầu, là cốt lõi của cơ chế thị trường, cạnh tranh là sức sống của cơ chế thị trường và tư liệu sản xuất, sức lao động được tự do di chuyển từ ngành này sang ngành khác.

Do đó, sự phân tích của Marx về cơ chế thị trường tự do gợi ý cho chúng ta về những điều kiện cơ bản cần phải có để vận hành cơ chế thị trường thuận lợi như phải bảo đảm sao cho các chủ thể sản xuất kinh doanh hàng hóa có quyền tự chủ, tự do kinh doanh theo pháp luật, phải có thị trường thống nhất thông suốt cả nước và đồng bộ gồm đầy đủ các yếu tố của SX; giá cả, lãi suất, tỷ giá hối đoái... phải được hình thành theo cơ chế thị trường có sự quản lý nhà nước; vốn và sức lao động phải được di chuyển linh hoạt để nâng cao hiệu quả đầu tư; phải hạn chế độc quyền, kích thích cạnh tranh tạo ra một sân chơi bằng phẳng... ■